

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 59

Hỏi: Hai môn hữu vi, vô vi là một hay là khác?

Đáp: Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải hết, chẳng phải còn. Tại sao? Nếu là một thì trong kinh Nhân Vương không nên nói: “Các Bồ-tát v.v... với công đức hữu vi, công đức vô vi thấy đều thành tựu”. Lại trong kinh Duy-ma nói: “Bồ-tát chẳng hết hữu vi, chẳng trú vô vi v.v...”. Hai nghĩa đều rõ há là một ư? Nếu là khác, trong kinh Bát-nhã Đức Phật bảo Thiện Hiện: “Chẳng được lia hữu vi nói hữu vi, chẳng được lia vô vi nói vô vi” há thành khác ư? Nếu nói là đều sạch hết là, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Ở hữu vi giới bày lý vô vi, chẳng diệt tướng của hữu vi, ở vô vi giới, bày pháp hữu vi, chẳng hoại tánh vô vi” thì hữu vô tánh tướng chẳng ngại đều còn. Nếu nói đều còn, như luận trước nói: “Hai thức pháp tánh giả đặt có”, nghĩa là không vô ngã là chỗ hiển bày chân như, có không đều chẳng phải, tuyệt đường tâm ngôn, thì trăm phủ định (bách phi) chẳng thể mê hoặc, bốn câu (Tứ cú) chẳng thể phân tích, có thể vì tình mà cho là có không, chỉ nên trí vượt ngôn tượng mới đạt hữu vi vô vi, chân tánh của duy thức vậy. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Lại nữa, phạm pháp sinh diệt là, nếu trước có tâm sau có sinh, thì tâm chẳng đợi sinh, tại sao? Vì trước đã có tâm vậy. Nếu trước có sinh thì sinh không chỗ sinh, lại sinh diệt là tánh trái nhau. Sinh thì chẳng nên có diệt, lúc diệt chẳng nên có sinh, vì vậy nên một thời chẳng thể được, khác cũng chẳng thể được, vậy thì không sinh, không sinh thì không trú diệt, nếu không sinh trú diệt thì không tâm số pháp, không tâm số pháp thì không tâm chẳng tương ưng. Hành các sắc pháp, sắc pháp không nên pháp vô vi cũng không. Tại sao? Nhân hữu vi nên có vô vi, nếu không hữu vi thì cũng không vô vi, cho nên không nên nói các pháp có. Lại trong kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn nói: “Pháp hữu vi vô vi, văn tự ngôn thuyết có sai biệt vậy”. Trong kinh Trì Thế nói: “Pháp hữu vi như thật tướng, tức là vô vi.”

Hỏi: Tâm sở đủ mấy nghĩa, lập môn của tâm sở?

Đáp: Các bậc cổ đức giải thích: Nghĩa tâm sở có ba: Một, hằng y (luôn nương) tâm khởi; hai, cùng tâm tương ứng; ba, hệ thuộc ở tâm. Tâm vương duyên tổng tướng, như họa sư làm khuôn, tâm sở thông duyên tổng tướng biệt tướng, như đệ tử ở trong khuôn tổng tướng điền vào lắm nhiều màu sắc, tức tâm sở ở nơi tâm vương gồm xanh, như lúc nhãn thức tâm vương duyên cảnh sắc xanh. Tổng tướng ấy lại chẳng làm nhiều loại hành giải. Tâm sở duyên biệt tướng, là như tác ý trong năm tâm sở, lấy cảnh răn tâm dẫn tâm làm biệt tướng v.v... trên bên lãnh nạp tướng tượng tạo tác các thứ hành tướng là thông duyên tổng biệt tướng.

Hỏi: Tâm vương và tâm sở là đồng hay khác biệt?

Đáp: Nói về tục thì tự đồng tự biệt, luận về chân thì chẳng phải tức chẳng phải là. Trong luận Duy thức nói: “Sáu vị tâm sở pháp như vậy, vì là tâm thể, mà có riêng tự tánh, vì tức là tâm phân vị sai biệt, giả sử vậy có lỗi gì? Cả hai đều có lỗi. Nếu là tâm thể có riêng tự tánh, cố sao thánh giáo nói chỉ có thức? Lại cố sao nói tâm xa riêng hành, nhiễm tịnh do tâm, sĩ phu sáu cõi, trong luận Trang Nghiêm nói lại làm sao thông? Như kệ tụng nói:

*“Cho tâm tự hai hiện,
Như vậy tự tham thấy...
Hoặc tự ở tín thấy...
Không riêng pháp nhiễm tịnh”.*

Nếu tức là tâm phân vị sai biệt, cố sao thánh giáo nói tâm tương ứng, tha tánh tương ứng, chẳng phải tự tánh. Lại cố sao nói tâm và tâm sở cùng thời mà khởi, như mặt nhật và ánh sáng. Trong luận Du-già nói: “Tâm sở chẳng phải tức tâm, nên nói là tâm có riêng tự tánh, vì tâm ưu thắng, nên nói duy thức v.v... tâm sở nương thế lực tâm mà sinh, nên nói tự kia hiện, chẳng phải kia tức tâm. Lại thức tâm lời cũng gồm tâm sở, luôn tương ứng vậy, nói duy thức v.v... và hiện tự kia đều không có lỗi. Đây y cứ theo thế tục, nếu y cứ thắng nghĩa, thì tâm sở và tâm chẳng vậy. Đó gọi là Đại thừa, diệu lý chân tục”. Trong luận Nhiếp Đại thừa có kệ tụng nói:

*“Đi xa và riêng đi,
Không thân ngủ nơi hang,
Điều tâm khó điều đó,
Gọi là chân Phạm chí”.*

Trong luận Bách Pháp giải thích: “Đức Như Lai y cứ ý căn xứ mà nói đi xa và riêng đi vậy. Tùy vô minh, ý thức duyên khắp tất cả cảnh

vậy, nên gọi là đi xa. Lại các tâm tương tục mỗi mỗi chuyển vậy, không thật chủ thể, gọi là riêng đi. Không thân, tức tâm không hình chất, ngủ nơi hang, tức nương gá các căn ngầm chuyển trong thân, gọi là ngủ nơi hành vậy. Ngủ là tàng vậy, tức chỗ của tâm tích chứa tại trong thân, ý bày kệ đây là phá ngoại đạo chấp có thật ngã vậy. Đức Thế Tôn nói chỉ là tâm riêng đi (độc hành) không riêng biệt chủ thể, nên nói là riêng đi vậy. Lại từ vô thủy đạo khắp cảnh sáu trần nên gọi là đi xa, không riêng biệt tâm sở nên gọi là riêng đi, rõ biết không riêng biệt tâm sở vậy, sĩ phu sáu cõi. Trong luận Du-già nói: “Bốn đại không thức năng thành hữu tình sắc động tâm ba pháp tối thắng làm sở y tức là bốn đại. Động sở y tức là không, nghĩa là không giới bên trong, chẳng thủ bên ngoài, do trong nội thân có không giới đây vậy, do đó có động nên làm động y. Tâm sở y là thức ấy vậy, tức nói sáu cõi năng thành hữu tình, chẳng nói tâm sở giới vậy, cho tâm tự hai hiện là, tự trong đây là nói tự chỗ ngoài tâm chấp thật pháp hai phần v.v... nên gọi là tự. Không riêng nhiệm thiện pháp, nghĩa là chỉ tâm biến tự hai phần kiến tướng. Hai phần lìa tâm biến khác riêng có pháp. Lại nói tâm biến tự tham tín v.v... tham tín v.v... lìa ngoài tâm, không riêng nhiệm thiện pháp, thể tức tâm vậy, như hai phần vậy. Nên nói lìa tâm có riêng tự tánh, vì tâm ưu thắng vậy. Nói duy thức v.v... là đã nói lìa tâm có sở. Tại sao nói duy thức, tâm đi xa, riêng đi, nhiệm tịnh do tâm. Trong sáu cõi chỉ nói tâm là, vì tâm ưu thắng nên nói duy thức v.v... đây ưu thắng thế nào? Gồm có bốn nghĩa: Một, năng làm chủ; hai, năng làm y; ba, hành tổng tướng; bốn hàng quyết định, chẳng phải như tâm sở v.v... có lúc chẳng định. Lại nếu nương thể dụng hiển hiện để thứ nhất, tức tâm vương là thể, tâm sở là dụng, tức thể dụng chẳng tức chẳng lìa vậy. Nếu nương thắng nghĩa, tức là nhân quả sai biệt để, tức vương sở qua lại làm nhân quả, pháp nhĩ chẳng lìa vậy. Nếu nương chúng đắc được thắng nghĩa để thứ ba, tức nương phân tích hiển bày. Nếu nương năng phân tích tánh y tha khởi nói chẳng phải tức. Nếu nương sở phân tích lý hai vô ngã nói, tức vương sở chẳng phải lìa. Nếu thắng nghĩa thắng nghĩa để phước bỏ phân tích nói chỉ thứ tư, cũng chẳng nói tức lìa vậy, tức một chân pháp giới lìa ngôn tuyệt tướng, tức đạo lý vương sở đồng quy về một chan như vậy.

Hỏi: Tâm vương tâm sở làm sao rõ giả thật?

Đáp: Từ chủng sinh gọi là thật, nương tha lập gọi là giả, tâm pháp chỉ là thật có. Biến hành biệt cảnh trong tâm sở chỉ là thật có, ngoài ra các pháp hoặc giả hoặc thật, chân như vô vi tuy chẳng phải tự từ chủng không, cũng gọi là thật, vì chẳng y tha vậy. Hoặc các pháp danh nghĩa

đều giả, chỉ một thứ chân như vô vi, danh giả mà thể thật, vì lìa ngôn thuyên vậy.

Hỏi: Trong luận Duy thức nói: Chỉ nói thức tức gồm tâm sở, vậy chân như cùng thức chẳng phải như tâm sở tại sao chẳng nói?

Đáp: Thức là thật tánh, thức là đều có, chẳng lìa thức, chẳng phải ngã pháp nương tựa, nên chỉ nói thức, mà chẳng nói chân như, nên biết chân như tức thức, thức tức chân như

Hỏi: Chân như tức thức, thức tức chân như, vả lại chân như chẳng phải chỗ biến hiện của thức sao thành duy thức?

Đáp: Tuy chẳng phải thức biến, thức thật tánh nên cũng gọi là duy thức, chân như lìa ngôn và năng tính chấp thức chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải như sắc v.v... có thể nương tựa khởi chấp, nên chẳng phải chấp nương tựa. Trong đây chẳng nói như viển (xa) trông sơ (xa). Ngôn cũng có thể nương tựa chấp pháp. Hàng học sau nương tựa khởi chấp vậy. Lại chân như đã chẳng phải chỗ thức chuyển biến, nên chẳng phải duyên thức, chẳng vì biến nên gọi là duy thức, chẳng lìa thức nên chánh danh duy thức.

Hỏi: Trong bách pháp phạm thánh gồm đủ chẳng?

Đáp: Nếu phạm phu vị, căn cứ chung về chủng tử trong ba cõi chín địa thì đều đủ một trăm pháp, nếu quả vị chư Phật thì chỉ đủ sáu mươi sáu pháp, trừ căn bản phiền não có sáu, tùy phiền não có hai mươi, bất định có bốn, trong bất tương ưng hành có bốn, gồm số trừ đó cả thấy ba mươi bốn pháp.

Hỏi: Tâm gồm tất cả cơ sao chỉ nêu môn năm vị năm pháp?

Đáp: Tuy nêu trăm pháp, dùng làm cương yếu, trong đây năm vị lần lượt đã gồm vô tận pháp môn, chẳng pháp môn nào vượt ngoài đây vậy. Tại sao? Trong luận Bách Pháp nói: Thứ nhất nói rõ tâm pháp, nghĩa là tám thứ tâm vương đây, trong pháp hữu vi thì đây là tối thắng. Tất cả thế gian và xuất thế gian không gì chẳng do tâm tạo. Thứ hai nói rõ tâm sở hữu pháp, cùng tâm vương đây thường tương ưng vậy, gọi là pháp tương ưng, so với tâm vương trước thì được tức là kém. Trước hơn sau kém, do đó thứ tự nói. Thứ ba sắc pháp là chỗ của tâm vương v.v... hiện ảnh, nghĩa là sắc pháp đây chẳng năng tự khởi, cốt yếu pháp nhờ biến hiện của tâm vương và tâm sở trước. Biến chẳng thân duyên, nên đặt để ảnh mà nói, hoặc thông bản chất. Hai tâm trước là năng biến, đây là sở biến, trước năng sau sở, do đó lần lượt nói. Thứ tư chẳng tương ưng hành, nghĩa là đắc v.v... hai mươi bốn pháp đây chẳng năng tự khởi, nhờ ba vị trước sai biệt giả lập, ba vị trước là thật, đây tức là giả, trước

thật sau giả, do đó lần lượt nói. Thứ năm pháp vô vi, thì chẳng do đâu mà được hiển bày, nhờ chỗ bốn vị trước đoạn nhiễm thành tịnh mà hiển bày, bốn vị trước là hữu vi, đây tức là vô vi, trước hữu sau vô, do đó lần lượt nói. Lại trong luận Sao giải thích rộng: Thứ nhất tâm pháp tối thắng là, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Tâm như thợ vẽ giỏi,
Họa các thứ thế gian,
Tất cả trong thế gian,
Không pháp nào chẳng tạo”*

Là tám thức tâm vương đây tối thắng, giống như người thợ vẽ giỏi, năng họa vẽ tất cả hình tượng trời người năm thú, cho đến hình tượng Phật Bồ-tát v.v... nhưng trong kinh nêu cử thí dụ Phật là chỉ lấy một phần ít, vì thợ vẽ chỉ vẽ được sắc uẩn, ngoài ra bốn uẩn còn lại tức chẳng thể vẽ. Trong pháp nếu là tám thức, tức năng thông tạo được năm uẩn. Và như thức thứ sáu tương tục chẳng cùng vô minh và các phân biệt khác đều cùng (câu) sinh hoặc v.v... nếu tạo được nghiệp báo tổng biệt của địa ngục tức năng thông tạo được năm uẩn, cho đến nếu tạo được nghiệp báo tổng biệt của trời người tức tự họa được hình tượng trời người, nêu tu đầy đủ muôn hạnh thì chứng đắc hai quả chuyển y, tức tự họa vẽ được hình tượng Phật quả. Nên biết năm uẩn của tất cả thế gian và xuất thế gian đều là tự thức thứ sáu, họa vẽ được chẳng kén chọn y chánh báo, đều là tâm biến, do đó, tâm pháp độc xưng tối thắng. Thứ hai, tâm sở hữu pháp cùng đây tương ứng là, như trong luận Du-già có nói năm nghĩa lược biện giải tương ứng: Một, thời, đó là vương sở đồng thời khởi; hai, y, tức là vương sở đồng một căn sở y; ba, duyên, tức vương sở đồng một cảnh sở duyên; bốn, hành đó là vương sở ba lượng hành tướng đều đồng; năm, sự tức vương sở mỗi mỗi có tự chúng phần thể sự. Thứ ba, sắc pháp là chỗ hiện ảnh của hai pháp trước là, hiện nghĩa là biến, vì mười một thứ sắc đều là chỗ biến hiện của tâm vương tâm sở vậy. Ảnh nghĩa là ảnh tượng, là tương tự lưu loại, tức tướng phần mười một thứ sắc pháp đây là lưu loại của bản chất, tự nơi bản chất. Nếu không chất, tức tự trong tâm nên nói là ảnh vậy. Biến chẳng thân duyên nên đặt ảnh mà nói, vì tám thức đều có nghĩa biến tướng phần duyên. Và lại như lúc năm thức trước duyên năm cảnh trần, phải biến ảnh tượng mà duyên. Thức thứ sáu duyên pháp mười tám giới cũng biến tướng phần duyên. Lúc thức thứ bảy duyên kiến phần thức thứ tám làm ngã cũng biến tướng phần duyên, nếu thức thứ tám lúc duyên phù trần người khác, sắc của quả định và kế giới, cũng biến tướng phần duyên, tướng phần so

với tám thức tức thân sở duyên duyên, bản chất so với tám thức tức sở duyên duyên. Nói trên đây tạm so với hữu chất ảnh mà nói thì, nếu chỉ có tướng phần không bản chất, tức thức thứ tám tự duyên ba cảnh, thức định tuệ tự duyên sắc quả định. Thứ tư, phân vị sai biệt là, đắc v.v... hai mươi bốn pháp đây tức là y tha giả lập trên chủng hiện ba vị trước. Thứ năm, hiển bày thật tánh, tức năm vô vi, như trước đã giải thích. Lại thứ nhất, tám thức tâm vương là môn tối thắng năng duyên. Thứ hai, tâm sở hữu pháp cùng tâm tương ứng là môn cộng thắng đồng duyên. Thứ ba, sắc pháp ảnh tượng của tâm là môn cảnh giới sở duyên. Thứ tư, chẳng tương ứng pháp là môn phân vị kiến lập. Thứ năm, pháp vô vi là môn hiển bày thật tánh. như trên hơn kém hiển hiện, năng sở qua lại thành, giả thật phân tích so lường, có không ẩn hiển v.v... năng bày rõ vô tận pháp môn, vô tận pháp môn chẳng vượt ngoài năm vị trăm pháp, năm vị trăm pháp chẳng vượt ngoài hai vị sắc tâm, nhiếp ngọn về gốc, chẳng vượt ngoài một pháp duy tâm.

Hỏi: Tám thức chân nguyên, nơi muôn pháp nương dừng, nói về thể tánh đó đều có bao nhiêu thứ?

Đáp: Trong các kinh luận biện chung giải có ba thứ tánh, nói về năng sở nhiệm tịnh phân biệt, tùy sự nói ba, giả sử có cuộn buông đều chẳng lia thức tánh. Hợp thì một thể không khác, khai thì ba tướng chẳng đồng, ba tướng chẳng đồng căn cứ dụng mà hành bố, một thể không khác y cứ tánh để viên dung. Hành bố mới tùy nghĩa để hành xử. Viên dung thì thuận tánh mà ngâm lắng. Nếu không hành bố thì không viên dung, như không vọng tình thì chẳng lập chân trí. Nhiệm tịnh đã mất hai để chẳng thành. Do đó, nhân vọng mà biện chân, tại hành tướng mà phải đều tìm vết được gốc, mượn nhân duyên để phát minh. Pháp môn ba tánh đó thấu gồm cảnh giới thánh phàm, sự không mà chẳng tận, lý không gì chẳng cùng, nay nói ba tánh, ước theo các kinh luận cộng lập đó tức: Một, tánh biến kế sở chấp; hai, tánh y tha khởi; ba, tánh viên thành thật. Tánh biến kế sở chấp là, hàng ngu phu tính lường khắp cùng, chỗ chấp uẩn v.v... là thật ngã thật pháp, gọi là tánh biến, (lường khắp) gồm có hai: Một, tự tánh, gồm chấp các pháp thật có tự tánh; hai, sai biệt, riêng chấp thủ thường, vô thường v.v... thật có tự thể, hoặc y cứ danh biến kế nghĩa, như chưa biết trâu, nghe tên trâu, bèn suy lường nhân đạo lý gì mà gọi đó là trâu? Hoặc y cứ nghĩa biến kế tên, hoặc thấy vật thể chẳng biết tên nó bèn đối suy lường vật đây tên gì? như chưa biết trâu, cộng suy lường bảo: Là quý ư? Các biến kế đây, nói về thể thì chẳng vượt ngoài hai thể nhân pháp, nói về chấp thì chẳng

vượt ngoài hai thứ danh nghĩa. Lại một, có biến (khấp) chẳng phải kế (lường), như các tâm vô lậu, thức hữu lậu thiện, năng duyên rộng khấp mà chẳng phải kế chấp, các tâm vô lậu, tức trí tuệ vô lậu của các thánh nhân, rõ các pháp không tức không pháp nào chẳng khấp (biến) đều không kế chấp gọi là chẳng phải kế, chỉ trí hậu đắc, thức hữu lậu thiện, tức hàng Bồ-tát địa tiền (trước sơ địa) tuy trong tâm hữu lậu năng tác quán vô ngã, cũng năng tác quán tất cả đều không có ngã, cũng là biến mà chẳng phải kế; hai có kế mà chẳng phải biến, như thức thứ bảy hữu lậu, luôn duyên kiến phần thức thứ tám khởi ngã chấp pháp chấp. Từ thức thứ sáu lúc vào sinh không quán, trong thức thứ bảy vẫn còn duyên kiến phần thức thứ tám mà khởi pháp chấp, nên biết kế mà chẳng phải biến; ba, cũng biến cũng kế, tức chúng sinh nhiễm tâm; bốn, chẳng phải biến chẳng phải kế, tức năm thức hữu lậu và thức A-lại-da thứ tám, mỗi mỗi rõ tự phần cảnh giới chẳng khấp cùng (biến) không tính lường tùy niệm phân biệt nên chẳng phải kế vậy. A-lại-da chỉ duyên ba thứ cảnh chủng tử căn thân và khí thể gian, còn chẳng năng duyên bảy thức hiện hành trước, nên chẳng phải biến chẳng phải kế, chủng tử hữu lậu năng giữ ăng duyên, chủng tử vô lậu tức trì mà chẳng duyên, huống gì các cảnh khác? Lại các bậc cớ đức nói: Chúng sinh nhiễm tâm, ở trong tự tánh y tha khởi, phải biết có hai thứ biến kế sở chấp tự tánh chấp: Một, tùy giác, tức hiện hành chấp; hai, quán tập tập khí tùy niên, tức chấp chủng tử, tánh y tha khởi là, nương các duyên khác hòa hợp sinh khởi, giống như huyễn sự, gọi là tánh y tha. Tánh viên thành thật là, một vị chân như viên mãn thành tựu.

Hỏi: Thế nào là lý tự tánh năng biến kế?

Đáp: Chuẩn cứ theo Bồ-tát hộ pháp nói: “Tâm phẩm thứ sáu thứ bảy chấp ngã pháp là năng biến kế, chỉ nói ý thức năng biến kế vậy.”

Hỏi: Thế nào là lý tự tánh sở biến kế?

Đáp: Chuẩn cứ theo luận Nhiếp Đại thừa nói: “Là y tha, là sở duyên duyên, tâm biến kế v.v... vậy”. Đại sư Từ Ân - Khuy Cơ nói: “Trong ba tánh, là y tha khởi, nói sở duyên hẳn là pháp có. Tâm biến kế v.v... dùng đây làm duyên, thân tướng phần là hẳn y tha vậy, chẳng dùng viên thành mà làm cảnh vậy” nghĩa là chẳng tương tự.

Hỏi: Trong ba tánh, biến kế là vọng tưởng tức không, y tha thuộc nhân duyên là có ư?

Đáp: Hai tánh đây, năng sở tương sinh đều không tự thể. Tại sao? Nhân vọng tưởng nên lập danh tướng, nhân danh tướng nên lập nhân duyên. Nếu vọng tưởng chẳng sinh, danh tướng sao có? Danh tướng

chẳng có nhân duyên tức không, vì muôn pháp chẳng vượt ngoài danh vậy. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói:

*“Thí như việc tu hành,
Ở một chỗ cũng hiện,
Ở kia không cũng cũng,
Tướng vọng tưởng như vậy”.*

Giải thích: Đây là phá tánh vọng tưởng biến kế. Như hàng Nhị thừa tu các quán hạnh, hoặc lúc tác quán tướng xanh, thì trời đất muôn vật không gì chẳng đều xanh vậy, vì xứ không xanh mà thấy xanh là do tâm biến vậy, ở một cảnh sắc các thứ chẳng đồng. Thí như phàm phu vọng thấy sinh tử, cũng là xứ không sinh tử vọng thấy sinh tử vậy. Lại trong kinh có kệ tụng nói:

*“Thí như các thứ màng (ế),
Vọng tưởng các sắc hiện,
Màng không sắc chẳng sắc,
Duyên khởi chẳng biết vậy”.*

Đây là phá tánh nhân duyên y tha khởi, như mắt bị bệnh mù, chỗ thấy sai biệt chẳng đồng, kia thật chẳng phải có, chỗ duyên khởi pháp. Đây thì vọng tưởng thể không, nhân duyên không tánh, tức là viên thành rốt ráo một pháp, như người mắt sáng thấy hư không trong sạch, hưởng gì một chân tâm lại không chỗ có.

Hỏi: Trong ba tánh đây, mấy pháp là giả, mấy pháp là thật?

Đáp: Trong luận Tùy Thức nói: “Biến kế sở chấp vọng an lập, nên có thể nói là giả, không thể tướng, nên chẳng phải giả chẳng phải thật. Tánh y tha khởi, có thật có giả, là tánh tụ tập tương tục phân vị nên nói là giả, có tâm tâm sở và sắc theo duyên sinh nên nói là thật có. Nếu không pháp thật thì pháp giả cũng không, vì pháp giả nương nhân thật mà khái niệm vậy. Tánh viên thành thật chỉ là thật có, chẳng y tha duyên mà khái niệm vậy”. Giải thích: Biến kế có danh không thật, vọng tình an lập, có thể nói là giả. Nói về pháp thể đó, đã không có tướng, chẳng phải giả chẳng phải thật, chẳng phải sừng thỏ v.v... có thể nói giả thật hẳn nương trên pháp có thể tổng biệt mà lập làm giả thật vậy. Y tha giả có ba thứ: một, tụ tập giả là như bình, bồn, hữu tình v.v... vậy. Pháp tụ tập có nhiều pháp một lúc nhóm tập thành vậy. Năng thành tuy thật mà sở thành là giả; hai, tương tục giả là như đời quá khứ đời vị lai v.v... chỉ có nhân quả là tánh tương tục, nhiều pháp trên nhiều lúc lập một giả pháp như Đức Phật nói: “Xưa là nai chúa nay là thân ta vậy” chỗ nương năm uẩn, từng sát-na diệt là, tuy thể là thật, mà nhiều pháp

đây tương tức giả lập một hữu tình, đến nay vẫn còn vậy; ba, phân vị giả là như chẳng tương ứng hành, tánh phân vị nên đều là giả, trên một thời một pháp mà lập, như trên một sắc, gọi là hữu lậu có thấy có đối, cũng gọi là sắc v.v... đều là ở trên một pháp giả khái niệm vậy. Nếu kia thật là nên có nhiều thể, như phần, hận v.v... đó đều giả đây gồm. Tâm tâm sở và sắc từ chủng nhân duyên sinh nên nói là thật. Lại ba tánh tức là một tánh, một tánh tức là không tánh. Tại sao? Biến kế không tướng, y tha không sinh, viên thành không tánh, trong kinh Giải Thâm Mật nói: “Người quàng mắt như biến kế, hiện xanh vàng như y tha, mắt trong sáng như kiên thành”. Trong luận Nhiếp Đại thừa nói: “Tánh phân biệt như rấn, tánh y tha như dây, nếu người duyên tướng bốn trần, phân chiết dây dây chỉ thấy bốn tướng, chẳng thấy riêng dây, chỉ thấy tướng sắc hương vị xúc vậy. Dây chẳng phải thật có, vì lia ngoài bốn trần không riêng có dây”. Do đó trong luận có kệ tụng nói:

*“Nơi dây khởi biết rấn,
Thấy dây thì không cảnh,
Nếu biết dây phân rời,
Biết dây như biết rấn”.*

Nếu biết tánh của dây chia chẻ là không, thì ví như trên dây vọng sinh tướng rấn. Trong luận nhiếp Đại thừa nói: “Bồ-tát chẳng thấy trần bên ngoài, chỉ thấy ý ngôn phân biệt, tức rõ tánh y tha”. Làm sao liễu biệt pháp đây? Nếu lia nhân duyên, mà căn trần đã chẳng thành, pháp đây không nhân duyên, làm sao được sinh, y cứ chân quán thứ nhất vào tánh y tha, do chân quán thứ hai trừ tánh y tha, thì duy thức tướng dứt ý ngôn, phân biệt hiển hiện, tợ chỗ nghe và tư duy tất cả nghĩa, cho đến tợ chỉ có thức tướng, đều chẳng được sinh. Duyên sinh có hai, đó là tánh phân biệt và tánh y tha. Tánh phân biệt đã diệt, tánh y tha lại chẳng được sinh. Đã không hai cảnh nên tất cả nghĩa, cho đến tợ duy thức tướng đều chẳng được sinh. Duy thức tướng còn chẳng được khởi, huống gì các ý ngôn phân biệt khác mà đáng được sinh. Bồ-tát trú xứ nào? Chỉ trú không phân biệt, trong tất cả danh nghĩa bình đẳng, bình đẳng, lại nương hai thứ bình đẳng, đó là năng duyên sở duyên. Năng duyên tức trí không phân biệt, vì trí không phân biệt nên xứng bình đẳng. Sở duyên tức là cảnh chân như, cảnh cũng không phân biệt nên xứng bình đẳng. Lại cảnh trí đây chẳng trú trong nghĩa năng thủ sở thủ. Thí như hư không nên nói là bình đẳng, bình đẳng do nghĩa này nên Bồ-tát được vào tánh chân thật. Vị đây chẳng thể nói năng, vì tự sở thuyên vậy, lúc chứng lia giác quán tư duy phân biệt vậy, các bậc cổ đức có hỏi: “Chỗ

ngã kiến duyên ảnh tượng nếu là y tha có, thì nên có tánh y tha thật ngã chẳng?” Đáp: “Tướng đây nương nhân duyên sinh, chỉ là tánh y tha, pháp của huyễn có, mà chẳng phải là ngã, do vọng chấp kia làm ngã vậy. Nói vọng chấp, đây có hai lớp tướng, ước về tướng đây từ nhân duyên sinh có lực năng sinh tâm, đây mới là có tên pháp tánh y tha, ở đây chẳng xứng nghĩa biên pháp sở chấp, gọi là biến kế sở chấp, mới gọi là không, như người mờ tối chấp đá là trâu. Đá thể chẳng không, ngã kiến sở duyên duyên tướng y tha có, như đá vốn chẳng phải là trâu, vọng tâm chấp là trâu, chỗ chấp trâu đây, thể nó toàn không. như tướng phần vốn chẳng phải ngã, vọng tâm chấp làm ngã, sở chấp đây thể nó toàn không, chỉ có tâm năng chấp mà không ngã sở chấp, nghĩa là ở xứ đá đây, có đá sở duyên mà không trâu sở chấp, ở trên tướng phần đây, có pháp sở duyên mà không ngã sở chấp. Lại ví như người ở phương nam chẳng biết lông lạc đà, từng đến một xứ nọ nghe nói lông rùa, về sau chợt thấy lông lạc đà, do chẳng biết nên lầm cho lông lạc đà lấy làm lông rùa, như sở chấp thật ngã pháp vậy. Trong luận nói: “Có nghĩa tất cả và tâm sở pháp, do hai phần lực huân tập và sở biến, từ duyên sinh nên nói là y tha khởi, biến kế ngã vọng chấp đó là quyết định thật có không một khác, đều cùng (câu) và chẳng đều cùng v.v... hai đây gọi là tánh biến kế sở chấp.

Hỏi: Trong ba tánh, mấy tánh chẳng thể diệt, mấy tánh có thể diệt?

Đáp: Căn cứ theo luận Phật Tánh nói: “Hai tánh chẳng thể diệt, một tánh có thể diệt. Tại sao? Tánh phân biệt xưa nay là không nên chẳng thể diệt. Tánh chân thật xưa nay là chân nên chẳng thể diệt. Tánh y tha tuy có chẳng chân thật, cho nên có thể diệt, do vì phân biệt”. Trong luận Trung Biên nói: “Tánh phân biệt, đó là sáu trần, trọn chẳng thể được, giống như hoa đốm hư không. Tánh y tha, nghĩa là chỉ loạn thức có, chẳng phải thật vậy, giống như huyễn vật, tánh chân thật, nghĩa là năng thủ sở thủ cả hai đều không chỗ có, chân thật có không vậy, giống như hư không.”

Hỏi: Tướng y tha khởi chỉ là tự tâm vọng phân biệt có, lý sự đều tịch, danh thể đều hư, cơ sao có mừng lo chỗ hàng cảnh giới?

Đáp: Thí như đi đêm thấy chiếc ghế cho là quý, nghi sợi dây cho là rắn. Rắn và quý đó, danh thể đều không, tánh tướng hằng lặng lẽ, tuy chẳng thể được, mà sinh tâm khiếp sợ, vì thể dối mà thành sự vậy. Trong Thanh Lương Sở nói: “Nếu y cứ luận Nhiếp Đại thừa nói: Thí dụ đều thí dụ tánh y tha khởi, nhưng đều vì xưa trừ nghi ngờ, chỗ nghi ngờ

chẳng đồng nên chỗ thí dụ cũng khác một vì người ngoài nghi tướng y tha khởi, chỉ là vọng phân biệt có, chẳng phải nghĩa chân thật, bèn liền sinh nghi rằng: Nếu không nghĩa thật, sao có chỗ hành cảnh giới? Nên nói là như huyễn, nói huyễn là, huyễn làm chỗ duyên sáu xứ, đâu có thật ư? Hai, nghi rằng: Nếu không thật, sao có tâm tâm pháp chuyển? Nên nói là như dương diệm, vụt động chẳng phải nước tự nước, vọng có tâm chuyển. Ba, nghi rằng: Nếu không thật sao có ái chẳng phải ái thọ dụng? Nên nói như trong mộng, thật không nam nữ mà có ái chẳng phải ái thọ dụng? Nên nói như trong mộng, thật không nam nữ mà có ái chẳng phải ái thọ dụng, lúc tỉnh cũng vậy; bốn, nghi rằng: Nếu không thật sao có hý luận ngôn thuyết? Nên nói như vang. Thật không có tiếng, mà người nghe cho là có; năm, nghi rằng: Nếu không thật sao có nghiệp quả thiện ác? Nên nói như ảnh. Nghĩa là như ảnh tượng trong gương nên cũng chẳng phải thật; sáu, nghi rằng: Nếu không thật cơ sao Bồ-tát làm sự lợi lạc? Nên nói như hoá, nghĩa là biến hóa, tuy biết chẳng thật, mà việc hóa Bồ-tát cũng vậy, vì vậy, muôn pháp tuy không có thể đối thành sự, một chân chẳng phải tánh có không, tùy duyên thì lắng vậy cứng ngưng thường tùy vật hóa, rồi ren khởi làm chẳng động chân như.